

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **101/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/9/2022

V/V tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Tiềm

Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: chị A, sinh năm 1986;

HKTT: khu phố A1, phường A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu phố 4, phường 1, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: anh B, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khu phố A1, phường A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A và anh B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh B do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, chị và anh B tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, huyện Cai Lay (nay là thị xã Cai Lay), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 138 ngày 30/12/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, anh B có tính gia trưởng, anh B không phụ chị lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường hay

cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 02/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: có 03 con chung tên C, sinh ngày 12/01/2012; C1, sinh ngày 05/7/2018 và C2, sinh ngày 29/4/2021. Khi ly hôn chị A yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên C và C3, giao con chung tên C2 cho anh B nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh và chị A cũng thường hay cãi nhau, thời gian gần đây do anh bị bệnh cột sống nên không có đi làm không có thu nhập để phụ chị A vấn đề kinh tế trong gia đình. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về con chung: có 03 con chung như chị A trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý theo như yêu cầu của chị A

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A cho chị A được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu C1, sinh ngày 12/01/2012; C3, sinh ngày 29/4/2021 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu C2, sinh ngày 05/7/2018 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A, anh B không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị A, anh B được có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: chị Thẩm phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn anh B có hộ khẩu thường trú tại khu phố A1, phường A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh B tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D1 (nay là thị xã A3), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138 ngày 30/12/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị A trình bày chị và anh B sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, anh B có tính gia trưởng, anh B không phụ chị lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 02/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đoàn tụ lại sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

[3] Tại phiên tòa anh B trình bày thống nhất với chị A về thời gian kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh và chị A cũng thường hay cãi nhau, thời gian gần đây do anh bị bệnh cột sống nên không có đi làm không có thu nhập để phụ chị B vấn đề kinh tế trong gia đình. Nay chị B yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, anh hứa sẽ khắc phục, sửa chữa lại nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

[4] Xét, từ khi chị Thẩm nộp đơn xin ly hôn với anh B cho đến nay thì chị A và anh B cũng không hòa giải hàn gắn được, quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Hiện chị A và anh B đã sống ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 02/2022 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa tại phiên tòa chị A trình bày không còn tình cảm gì đối với anh B. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã động viên phân tích, hòa giải nhưng chị A khẳng định không còn tình cảm gì với anh B nữa, không muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lại mà vẫn kiên quyết ly hôn. Anh B không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp gì để vợ chồng có thể hàn gắn. Mặc khác, tại biên bản xác minh ngày 03/8/2022 chính quyền địa phương nơi chị A và anh B sinh sống cung cấp về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì địa phương không nắm, nhưng trong quá trình sống chung thì chị A, anh B thường xuyên cãi nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Thẩm.

[5] Về con chung: có 03 con chung tên C1, sinh ngày 12/01/2012; C2, sinh ngày 05/7/2018 và C3, sinh ngày 29/4/2021. Tại phiên tòa chị A và anh B thống

nhất giao cháu C1; C3 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu C2 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A, anh B không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu C1, cháu C2, cháu C3; nên giao cháu C1, C3 cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu C2 cho anh B chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị A được ly hôn với anh B.
2. Về con chung: Giao cháu C1, sinh ngày 12/01/2012 và C3, sinh ngày 29/4/2021 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu C2, sinh ngày 05/7/2018 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A, anh B không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị A, anh B được có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu số 0002565 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị A đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

